

UBND XÃ TÂN HỘI
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 04 /QĐ-VP

Tân Hội, ngày 01 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai dự toán ngân sách năm 2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã Tân Hội

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/06/2025;

Căn cứ luật thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 22/08/2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ – CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Tân Hội về phân bổ ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1516/QĐ - UBND, ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Tân Hội về việc giao dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho Văn phòng HĐND và UBND xã Tân Hội.

Xét đề nghị của Bộ phận Hành chính quản trị;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã Tân Hội (có biểu mẫu đính kèm)

Điều 2: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Văn phòng HĐND và UBND xã Tân Hội, Bộ phận Hành chính quản trị, Trưởng các ngành, Trưởng các ấp trong xã có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu: VT

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Bùi Trịnh Ngọc Khanh

UBND XÃ TÂN HỘI
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01 /BB-VP

Tân Hội, ngày 01 tháng 01 năm 2026

BIÊN BẢN

**Về việc công khai dự toán ngân sách năm 2026
của Văn phòng HĐND và UBND xã Tân Hội**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/06/2025;

Căn cứ luật thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 22/08/2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Tân Hội về phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1516/QĐ - UBND, ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Tân Hội về việc giao dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho Văn phòng HĐND và UBND xã Tân Hội.

Văn phòng HĐND và UBND xã Tân Hội làm biên bản công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (có biểu kèm theo)

Nơi nhận:

- TT. HĐND
- TT. UBND
- Lưu: VT.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Bùi Trịnh Ngọc Khanh



VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND XÃ TÂN HỘI

Chương: 830

(Biểu số 2 ban hành kèm theo
Quy định số 3869-QĐ/VPTW,
ngày 21/6/2019 của Văn phòng Trung ương Đảng)

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 1516/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 12 năm 2025)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO
I	Tổng số thu tại đơn vị	21.686.149.892
1	Thu đăng phí được cân đối chi hoạt động	
2	Thu từ hoạt động sự nghiệp	
3	Thu khác	
4	Kinh phí ngân sách nhà nước cấp theo dự toán	21.686.149.892
4.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ - nguồn 12 (QLNN)	824.180.000
	- Chi nhiệm vụ phát sinh trong năm (Loại 340 - Khoản 341)	713.550.000
	- Chi nhiệm vụ phát sinh trong năm (Loại 040 - Khoản 041)	110.630.000
4.2	Kinh phí hoạt động thường xuyên - nguồn 13 (QLNN)	2.620.288.000
	- Kinh phí hoạt động thường xuyên (Loại 010- Khoản 011)	565.500.000
	- Kinh phí hoạt động thường xuyên (Loại 040- Khoản 041)	261.000.000
	- Kinh phí hoạt động thường xuyên (Loại 340- Khoản 341)	1.793.788.000
4.3	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	18.046.329.332
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Loại 010 - khoản 011)	2.238.289.200
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Loại 010 - khoản 341)	628.461.288
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Loại 040 - khoản 041)	2.246.630.400
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Loại 340 - khoản 341)	12.932.948.444
4.4	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ - nguồn 18 (kinh phí tiền thưởng - Loại 340 - Khoản 341)	195.352.560
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	21.686.149.892
1	Chi quản lý hành chính	21.686.149.892
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	18.046.329.332
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Loại 010 - khoản 011)	2.238.289.200

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Loại 010 - khoản 341)	628.461.288
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Loại 040 - khoản 041)	2.246.630.400
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Loại 340 - khoản 341)	12.932.948.444
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.639.820.560
1.2.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ - nguồn 12 (QLNN)	824.180.000
	- Chi nhiệm vụ phát sinh trong năm (Loại 340 - Khoản 341)	713.550.000
	- Chi nhiệm vụ phát sinh trong năm (Loại 040 - Khoản 041)	110.630.000
1.2.2	Kinh phí hoạt động thường xuyên - nguồn 13	2.620.288.000
	- Kinh phí hoạt động thường xuyên (Loại 010- Khoản 011)	565.500.000
	- Kinh phí hoạt động thường xuyên (Loại 040- Khoản 041)	261.000.000
	- Kinh phí hoạt động thường xuyên (Loại 340- Khoản 341)	1.793.788.000
1.2.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ - nguồn 18 (kinh phí tiền thưởng - Loại 340 - Khoản 341)	195.352.560
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
11.1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
11.2		